

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 11/9/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Chuyên.

2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: số 85, đường A, khu dân cư T1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư T1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/2/2008 tại UBND xã L, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chị ở

phường S, thành phố C. Đến năm 2011, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống nên trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra cãi nhau. Bên cạnh đó, vợ chồng cũng không có tiếng nói chung về việc làm kinh tế, hai bên không có sự tin tưởng nên khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2016, anh T vào thành phố H làm việc. Thời gian đầu, vợ chồng có liên lạc nhưng sau đó thì ít quan tâm đến nhau. Anh T cũng không nói rõ cho chị về công việc và địa chỉ cụ thể của anh ở thành phố H. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị xác định vợ chồng không chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/7/2013. Cả hai con chung đều đang ở với chị và chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ của chị Th trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau, anh T và chị Th không thống nhất, tin tưởng nhau trong cách làm kinh tế nên thường xuyên cãi nhau. Do làm kinh tế bị thua lỗ nên anh T đã vào thành phố Hồ Chí Minh, còn chị Th làm ở nhiều nơi. Đến nay chị Th xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Hoàng Thị Th1 là bố, mẹ đẻ của anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do làm kinh tế bị thua lỗ, vay nợ nhiều người. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị Th ở cùng bố mẹ đẻ còn anh T vào thành phố H khoảng 3 đến 4 năm nay. Hàng năm, anh T cũng về nhà chơi vài lần, thường xuyên liên lạc với ông bà bằng điện thoại. Ông bà có hỏi địa chỉ của anh T nhưng anh T không cho biết.

Đại diện khu dân cư T 1, phường S xác định chị Th và anh T đã không sống cùng nhau từ năm 2016, anh T hiện ở đâu và làm gì thì khu dân cư không nắm được. Anh chị có 2 con chung và các con đều đang ở với chị Th

Tại Công văn số: 16905/QLXNC-P5 ngày 27/7/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an xác định: anh Nguyễn Văn T có xuất, nhập cảnh nhiều lần, lần nhập cảnh gần ngày 26/2/2016 bằng hộ chiếu số B 6630840 qua cửa khẩu Nội Bài.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thúy

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/7/2013 kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ thường trú tại phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2008 tại UBND xã L, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến khoảng năm 2011 giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hơn nữa, trong quá trình làm kinh tế, giữa hai vợ chồng không có sự thống nhất, tin tưởng lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do làm kinh tế thua lỗ, nên năm 2016, anh T vào thành phố H, còn chị Th ở nhà nuôi hai con. Kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, ít quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Như vậy thời gian sống ly thân của vợ chồng đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị Th có 2 con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/7/2013. Hiện các cháu đều ở cùng chị Th và có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay chị Th làm nghề tự do với mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 20 triệu đồng. Chị đang ở cùng bố, mẹ đẻ nên được hỗ trợ về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao các con chung cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với điều kiện kinh tế, cuộc sống của chị Th. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/7/2013 kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002919 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị Th đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã L, TP.C (số đăng ký kết hôn:12/2008);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà